

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G L  
TỈNH H D**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2022.

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G L - TỈNH H D**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông An Văn Khoái.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Thúy.

2. Bà Lê Thị Thanh Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G L, tỉnh H D.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G L tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G L, tỉnh H D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **P T S** - **sinh năm 1987.**

ĐKKHKT: Thôn Đ X, xã Q M, huyện G L, tỉnh H D.

Nơi ở hiện nay: Thôn P T, xã T T, huyện G L, tỉnh H D.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **N V D** - **sinh năm 1987.**

ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn Đ X, xã Q M, huyện G L, tỉnh H D.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị S: Ông Nguyễn Thanh Hải - Luật sư, Văn phòng luật sư Bảo Công, Đoàn luật sư tỉnh H D.

- Những người làm chứng:

+ Ông N V L, sinh năm 1965; bà Đ T L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn Đ X, xã Q M, huyện G L, tỉnh H D.

Ông Lốp có mặt tại phiên tòa, bà Lý vắng mặt không có lý do.

+ Ông P V B, sinh năm 1953; bà P T Đ, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn P T, xã T T, huyện G L, tỉnh H D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị P T S trình bày:***

Chị và anh N V D kết hôn ngày 30/01/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q M, huyện G L, tỉnh H D. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do, tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính nết vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi cọ nhau, anh D đã nhiều lần đánh chị, Năm 2017 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó anh D đến tìm và vợ chồng ra ngoài thuê nhà ở được 02 năm thì lại phát sinh mâu thuẫn, chị S đã về nhà bố mẹ ở hẳn cũng từ đó chị và anh D ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Chị xác định chị và anh D đã ly thân nhau 03 năm. Trong quá trình ly thân anh D có đến tìm chị về chung sống nhưng chị không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện G L giải quyết cho chị Ly hôn anh D.

Về quan hệ con chung: Chị và anh D có 02 con chung gồm Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Thành Long, sinh ngày 18/7/2013. Hiện tại cả hai con đều đang ở với anh D và ông bà nội. Ly hôn chị xác định đi làm công ty mức thu nhập ổn định trung bình từ 8 đến 9 triệu đồng một tháng, chị đã được bố mẹ đẻ xây nhà 03 gian trên phần đất của bố mẹ và ở riêng, chị có đầy đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện G L giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu không được nuôi cả hai con chung thì chị xin được nuôi một con chung là cháu Long để anh D nuôi một con chung là cháu Đức không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về quan hệ tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh N V D trình bày:***

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị S trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính nết không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, vợ chồng có khi cãi cọ, đánh nhau. Năm 2017, chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh đã đến tìm, vợ chồng có thuê nhà ra ở riêng nhưng chỉ được một thời gian lại mâu thuẫn. Anh xác định anh và chị S chính thức ly thân từ năm 2019. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị S xin ly hôn anh đồng ý ly hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Về quan hệ con chung: Anh và chị S có 02 con chung gồm Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Thành Long, sinh ngày 18/7/2013. Hiện tại cả hai

con chung đều đang ở với anh. Do điều kiện công việc của anh ổn định, mức thu nhập bình quân mỗi tháng 12 triệu đồng, hiện tại các con đang được anh nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với anh. Nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện G L tiếp tục giao 02 con chung cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ngoài ra anh còn được bố mẹ ủy quyền và làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất để có điều kiện chăm sóc các con tốt hơn. Vì vậy nếu anh được nuôi cả hai con chung anh tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương: Xác định quá trình sinh sống anh D và chị S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh D và chị S đã ly thân nhau 04 đến 05 năm nay, khi chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì hai con chung vẫn ở cùng anh D và ông bà nội. Hiện tại hai con chung được anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học ổn định. Các cháu được gia đình cho ăn học ổn định, điều kiện về an ninh trật tự tại nơi các cháu sinh sống đảm bảo, lực học khá tốt. Để đảm bảo tính ổn định cho các cháu đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu đều mong muốn tiếp tục được ở với anh D. Địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện G L tiếp tục giao 02 con chung cho anh D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Minh Đức và Nguyễn Thành Long có sự chứng kiến của anh D, chị S và tại phiên tòa (Hội đồng xét xử đã hỏi các cháu 02 lần, không có sự chứng kiến của anh D, chị S) cháu Đức, cháu Long đều xác định hiện tại đang được anh D chăm sóc, cho ăn học ổn định. Nếu bố mẹ ly hôn nguyện vọng của hai cháu đều xin được tiếp tục ở với anh D để hai anh em được ở cùng nhau, giúp đỡ nhau trong cuộc sống và học tập. Các cháu đều kiên quyết không muốn ở với chị S.

Trong quá trình điều tra xác minh với Trạm y tế xã T T xác định: Trước khi kết hôn với anh D, chị S đã bị bệnh động kinh. Tuy nhiên đã được gia đình đưa đi chữa trị tại Bệnh viện Thần kinh tỉnh H D và đã khỏi bệnh, không còn bị nên con động kinh sau đó mới kết hôn với anh D. Hiện tại vẫn đang uống thuốc phòng và D trị tại Trạm y tế xã T T. Sau khi được Tòa án nhân dân huyện G L giải thích về quyền yêu cầu giám định để xác định khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, chị S, anh D, ông Lốp, bà Đông đều không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định và đều xác định hiện tại chị S có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Mặt khác chị S cũng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện G L cũng đã đưa bố mẹ chị S vào tham gia

tổ tụng với tư cách là người làm chứng. Vì vậy xét thấy không cần thiết phải tiến hành giám định để xác định khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của chị S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G L xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P T S và anh N V D.

- Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Thành Long, sinh ngày 18/7/2013. Hiện đang ở với anh D cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị P T S phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị P T S và anh N V D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q M, huyện G L, tỉnh H D ngày 30/01/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính nết không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, đánh nhau. Thực tế chị S và anh D đã ly thân không ai còn quan tâm đến nhau nhiều năm. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh D đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị S xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn. Việc thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị S và anh D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy Hội đồng xét xử cần công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình 2014

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Thành Long, sinh ngày 18/7/2013. Hiện đang ở với anh D. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc của chị S và anh D là như nhau. Tuy

nhien anh D đã trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đức, cháu Long nhiều năm nay, hiện tại các cháu đang được sinh sống, học tập ổn định việc tách các cháu sẽ làm ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của các cháu. Hơn nữa nguyện vọng của các cháu đều mong muốn Tòa án tiếp tục cho các cháu được ở cùng nhau và được anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc dưới sự hỗ trợ của ông bà nội điều này cũng hoàn toàn phù hợp với quan điểm của chính quyền địa phương. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã nhiều lần hỏi quan điểm của các cháu (không có sự chứng kiến của anh D, chị S, ông Lốp và bà Đông) cháu Đức, cháu Long đều có quan điểm muốn được ở với bố, hai anh em ở cùng với nhau để chăm sóc nhau và kiên quyết không muốn ở với chị S. Do vậy HĐXX cần xem xét chấp nhận giao 02 con chung của anh D và chị S cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và chấp nhận sự tự nguyện của anh D không yêu cầu chị S cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị P T S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị P T S là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 55; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P T S và anh N V D.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Thành Long, sinh ngày 18/7/2013. Hiện đang ở với anh D cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị P T S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị P T S được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

**3. Về án phí:** Chị P T S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **AA/2020/0000681** ngày 28/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G L, tỉnh H D.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm..

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện G L;
- Chi cục THÁ dân sự huyện G L;
- UBND xã Q M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**An Văn Khoái**